

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỈNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2021

V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thanh Hoàng;

Bà Huỳnh Thị Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:** Bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Mỹ D., sinh năm 1983, HKTT: ấp M, xã V, huyện T, tỉnh A; nơi ở hiện nay: Tổ 7, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Văn T., sinh năm 1978, nơi cư trú: ấp M, xã V, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 08 tháng 3 năm 2021 và lời trình bày của nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ D.. trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Về hôn nhân: Bà và ông Đinh Văn T.. tự tìm hiểu quen biết nhau, năm 2008 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, đến ngày 14/05/2009 vợ chồng đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyền số 01 của UBND xã V, huyện T, tỉnh A. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống tại ấp M, xã V, huyện T, tỉnh A. Quá trình chung sống, ông Đinh Văn T.. thường xuyên tham gia chơi cờ bạc, không quan tâm gia đình, bà đã khuyên nhiều lần nhưng ông Đinh Văn T.. không thay đổi, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc

nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà D.. yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Văn T...

Về con chung: Có hai con chung là Đinh Văn C., sinh ngày 19/08/2000, đã trưởng thành và Đinh Quốc H., sinh ngày 02/05/2012. Hiện cháu H.. đang chung sống với bà, khi ly hôn Bà D.. yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H., không yêu cầu ông T.. cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*\* Tại phiên tòa hôm nay và trong quá trình giải quyết vụ án ông Đinh Văn T.. đều vắng mặt: Không có ý kiến trình bày.*

*\* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

*- Về việc tuân theo pháp luật:*

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*- Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân giữa Bà Võ Thị Mỹ D.. và ông Đinh Văn T.. có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy cả hai đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018 cả hai đã sống ly thân. Từ đó, thấy rằng mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên giải quyết cho ly hôn theo nguyện vọng của Bà D.. là phù hợp.

Về con chung: Có hai con chung là Đinh Văn C., sinh ngày 19/08/2000, đã trưởng thành và Đinh Quốc H., sinh ngày 02/05/2012. Cháu H.. có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó cần giao cho Bà D.. nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng và quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

*\* Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản xác minh nơi cư trú của*

ông Đinh Văn T.. ngày 01/7/2021 tại Ban ấp M; Biên bản hỏi ý kiến của cháu Đinh Quốc H.. ngày 05/6/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có bà Võ Thị Mỹ D.. có mặt, bị đơn Ông Đinh Văn T.. đều vắng mặt. Do đó, không tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ D.. vẫn giữ yêu cầu;*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Bị đơn Ông Đinh Văn T.. đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập họp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Đinh Văn T.. có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại tổ 18, ấp M, xã V, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Mỹ D.. và ông Đinh Văn T.. chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyền số 01, ngày 14/5/2009 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh A theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Xét về tình cảm giữa Bà D.. và ông T.. thì thấy rằng: Cả hai đã xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2018, trong suốt thời gian dài vẫn không thể tạo điều kiện để hàn gắn được dẫn đến năm 2021 Bà D.. xin ly hôn. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử thấy rằng Bà D.. xin ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Có hai con chung là Đinh Văn C., sinh ngày 19/08/2000, đã trưởng thành và Đinh Quốc H., sinh ngày 02/05/2012. Hiện nay em C.. đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét. Riêng em H.. từ khi vợ chồng không còn sống chung thì con chung do Bà D.. là người nuôi dưỡng, do đó để không làm thay đổi điều kiện sinh sống, học tập cần tiếp tục giao cháu H.. cho Bà D.. nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng và quy định pháp luật theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D.. không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

**[3]** Về án phí: Bà Võ Thị Mỹ D.. khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch; ông Đinh Văn T.. không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ D.. đối với ông Đinh Văn T...

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị Mỹ D.. và ông Đinh Văn T...

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Đinh Quốc H., sinh ngày 02/05/2012 cho bà Võ Thị Mỹ D.. trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Đinh Văn T.. không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Võ Thị Mỹ D.. cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đinh Văn T.. quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Mỹ D.. phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0006352 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, bà Võ Thị Mỹ D.. đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01, ngày 14/5/2009 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND h.Tỉnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã, thị trấn (nơi ĐKKH);
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Ngọc Mỹ**